

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KINH PHÍ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ

	Hạng mục	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. KINH PHÍ MUA SẴM						
		151,369,000	13,033,961,000	148,181,000	89,588,000	199,950,000
CÁC KHOA	Máy tính	34,500,000	1,554,220,000	12,200,000		36,000,000
	Máy in	11,900,000	6,000,000	12,000,000		24,000,000
	Trang thiết bị học tập, thí nghiệm khác		11,443,766,000	104,500,000		49,950,000
	VT, HCPTN	104,969,000	29,975,000	19,481,000	89,588,000	90,000,000
		193,502,150	6,248,947,430	312,406,110	844,285,000	434,073,000
CÁC PHÒNG BAN	Máy tính	23,000,000	34,500,000	12,000,000	115,136,000	
	Máy in	6,000,000	12,000,000	45,100,000		
	Máy chiếu					12,950,000
	Trang thiết bị học tập, thí nghiệm khác	16,500,000	6,057,424,000	66,000,000	529,611,000	211,351,000
	VT, HCPTN	148,002,150	145,023,430	189,306,110	199,538,000	209,772,000
		1,192,050,000	1,196,700,000	1,057,914,000	123,750,000	623,042,100
	Máy tính	38,500,000	22,000,000		12,000,000	12,000,000
	Máy in	13,750,000	9,900,000			
	Trang thiết bị học tập, thí nghiệm khác	1,064,800,000	1,109,800,000	993,000,000	46,758,000	546,042,100
	VT, HCPTN	75,000,000	55,000,000	64,914,000	64,992,000	65,000,000

NGÀNH KTCK		<i>319,797,100</i>	<i>123,521,500</i>	<i>160,299,500</i>	<i>104,449,000</i>	<i>130,191,000</i>
	Máy tính				12,000,000	12,000,000
	Máy in					6,000,000
	Trang thiết bị học tập, thí nghiệm khác	225,074,600	3,500,000	40,350,000	650,000	15,981,000
	VT, HCPTN	94,722,500	120,021,500	119,949,500	91,799,000	96,210,000

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG